

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phan Hoàng Nam

– Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2022/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2022/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ;

Địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn B; là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 1895/2022/UQ-PGD ngày 01/5/2022); (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T;

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T- Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng V) – Chi Nhánh Sài Gòn – Phòng giao dịch T theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19167 ngày 29/11/2019. Ngày 29/11/2019 VPBank đã giải ngân Công ty TNHH Một thành viên truyền thông HTB theo Khế ước nhận nợ số: H11/19167-01 ngày 29/11/2019 với số tiền vay là 285.450.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất là 18%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; phương thức trả nợ chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc là 23.800.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 23.650.000 đồng; Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động kinh doanh bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Khoản vay được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19168 ngày 29/11/2019.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH Một thành viên T đã thanh toán cho ngân hàng V tổng cộng 119.446.795 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 95.200.000 đồng, trả nợ lãi là 24.246.795 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH Một thành viên T để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH Một thành viên T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Một thành viên T phải trả ngay một lần cho ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/9/2022 là: 308.542.032 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 190.250.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.646.745 đồng; nợ lãi quá hạn: 103.480.884 đồng; lãi chậm trả: 12.164.403 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên T vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng V.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19168 ngày 29/11/2019 đã ký.

Đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên T là bị đơn; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên T là bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên, còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

– Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên T trả khoản nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức ký giữa các bên, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn có địa chỉ trụ sở chính của công ty tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên T là bị đơn; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả ngay một lần số tiền nợ là 308.542.032 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm

ba mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 190.250.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.646.745 đồng; nợ lãi quá hạn: 103.480.884 đồng; lãi chậm trả: 12.164.403 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ 190.250.000 đồng nợ gốc và tiền lãi nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bị đơn không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bị đơn chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

Căn cứ “Hợp đồng cho vay hạn mức” số: H11/19167 ngày 29/11/2019 và “Khế ước nhận nợ” số: H11/19167-01 ngày 29/11/2019 có cơ sở để xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đã vay của Ngân hàng TMCP V với số tiền vay là 285.450.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất là 18%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; phương thức trả nợ chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ trả nợ gốc là 23.800.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 23.650.000 đồng. Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T chỉ mới thanh toán được cho ngân hàng V số tiền nợ gốc là 95.200.000 đồng, trả nợ lãi là 24.246.795 đồng tiền lãi thì ngưng không thanh toán nữa là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. V yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 27/9/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các “Hợp đồng cho vay hạn mức” số: H11/19167 ngày 29/11/2019 đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận .

[3.2] Căn cứ vào Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19168 ngày 29/11/2019 thì ông Nguyễn Văn T có thực hiện việc bảo lãnh cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đối với Hợp đồng cho vay hạn mức mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T ký với Ngân hàng TMCP V. Nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo giấy bảo lãnh mà các bên đã ký. Giấy bảo lãnh được ký giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 308.542.032 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 190.250.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.646.745 đồng; nợ lãi quá hạn: 103.480.884 đồng; lãi chậm trả: 12.164.403 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 27/9/2022 là 308.542.032 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc: 190.250.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.646.745 đồng; nợ lãi quá hạn: 103.480.884 đồng; lãi chậm trả: 12.164.403 đồng.

2. Kể từ ngày 28/9/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại “Hợp đồng cho vay hạn mức” số:

H11/19167 ngày 29/11/2019 và “Khế ước nhận nợ” số: H11/19167-01 ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo giấy bảo lãnh mà các bên đã ký.

4. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.427.102 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn một trăm lẻ hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền 6.956.916 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041043 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tuyết